TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5- 2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Phú.

Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Bích Thủy và ông Hồ Đình Ghi.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Phương Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế, mở phiên toà công khai để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 156/2019 TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2019, về việc Ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Ông Võ Đình P, sinh năm 1970. Địa chỉ cư trú: số 02/68 đường N, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế "có mặt".

-*Bị đơn*: Bà Triệu Lê Hạ U, sinh năm 1982. Địa chỉ nơi ra đi cuối cùng: số nhà 87 đường N, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế "vắng mặt, đã mất tích theo quyết định số 126/2018/QĐDS-ST ngày 01-7-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 14 tháng 3 năm 2019, lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Võ Đình P trình bày: ông và bà Triệu Lê Hạ U kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế chứng nhận kết hôn vào ngày 28 tháng 5 năm 2009. Quá trình chung sống với nhau tại nhà thuê số 87 đường N, phường A, thành phố H thì phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồngvợ và ngày càng trầm trọng.Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Đến ngày 01 tháng 7 năm 2015 thì bà U đã bỏ nhà đi khỏi địa phương. Lâu nay không có thông tin gì về bà U nên vào tháng 12 năm 2017 ông P đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà U mất tích. Tòa án đã thụ lý giải quyết việc dân sự và đã tuyên bố bà Triệu Lê Hạ U mất tích theo quyết định số 126/2018/QĐDS-ST ngày 04-7-2018. Từ ngày quyết định có hiệu lực cho đến nay cũng không có thông tin gì về bà U còn sống hay đã chết. Ngày 14 tháng 3 năm 2019, ông Võ Đình P đã làm đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Triệu Lê Hạ U theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014. Về con chung, ông P công nhận vợ chồng có một con chung là Võ Đình Gia B, sinh ngày 25-02-2010, khi bà U bỏ nhà đi khỏi địa phương thì đưa con đi cùng, lâu nay cũng không có thông tin gì về người con nên ông P không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con. Về tài sản chung, ông P công nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ chung, ông P xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn là bà Triệu Lê Hạ U thì đã mất tích theo quyết định số 126/2018/QĐDS-ST ngày 04-7-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, lâu nay cũng không có thông tin gì về bà U.

Tại bản tự khai ngày 05 tháng 4 năm 2019, đại diện gia đình (mẹ ông P) là bà Châu Thị Đ trình bày: Về quan hệ hôn nhân và tình trạng tình cảm giữa vợ chồng của Võ Đình P và Triệu Lê Hạ U là đúng như lời khai của ông P đã trình bày tại Tòa án, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ông P được ly hôn với bà U theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của các bên đương sự cho biết: Vợ chồng ông Võ Đình P và bà Triệu Lê Hạ U chung sống với nhau tại nhà thuê số 87 đường Ngự Bình,phường An Cựu, thành phố Huế. Quá trình chung sống với nhau không có hạnh phúc nên vào năm 2015 bà U đã bỏ nhà đi khỏi địa phương; Lâu nay không có thông tin gì về bà U nên vào tháng 12 năm 2017 ông P đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà U mất tích, kể từ ngày Tòa án tuyên bố bà U mất tích cho đến nay cũng không có thông tin gì về bà U. Nay ông Võ Đình P yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà U thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa bị đơn là bà Triệu Lê Hạ U vắng mặt do đã mất tích theo quyết định tuyên bố một người mất tích số 126/2018/QĐDS-ST ngày 04-7-2018 của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đều chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa ông Võ Đình P và bà Triệu Lê Hạ U là hôn nhân hợp pháp, đã được Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế chứng nhận kết hôn vào ngày 28 tháng 5 năm 2009. Quá trình ông P, bà U chung sống với nhau tại nhà số nhà 87 đường N, phường A, thành phố H thì vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên bà U đã bỏ nhà đi khỏi địa

phương. Lâu nay không có thông tin gì về bà U nên vào ngày 11 tháng 12 năm 2017 ông P làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà U mất tích. Tòa án đã thụ lý giải quyết việc dân sự và đã tuyên bố bà Triệu Lê Hạ U mất tích theo Quyết định số 126/2018/QĐDS-ST ngày 04-7-2018. Từ ngày quyết định có hiệu lực cho đến nay cũng không có thông tin gì về bà U còn sống hay đã chết. Nên vào ngày 14 tháng 3 năm 2019, ông Võ Đình P làm đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà U. Tại phiên tòa, ông P cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà U vì mục đích của Hôn nhân không đạt được. Xét thấy, về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận. Về con chung, ông P công nhận vợ chồng có một con chung là Võ Đình Gia B, sinh ngày 25-02-2010, khi bà U bỏ nhà đi khỏi địa phương thì đưa con đi cùng, lâu nay cũng không có thông tin gì về người con nên ông P không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét. Về tài sản chung, ông P công nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung, ông P xác nhận vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Võ Đình P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà ông P đã nộp tại biên lai số 007833 ngày 19- 3- 2018, nên nay khỏi phải nộp nữa.

Bởi các lẽ trên ;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 220, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 2 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử :

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Võ Đình P đối với bị đơn là bà Triệu Lê Hạ U.

Xử: Ông Võ Đình P được ly hôn với bà Triệu Lê Hạ U.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Đình P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà ông Võ Đình P đã nộp tại biên lai số 007833 ngày 19- 3 -2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, nên nay khỏi phải nộp nữa.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
+ TAND tỉnh TTH ;
+ VKSND TP Huế ;
+ Chi cục THA DS ;
+ UBND Xã V;
+ Nguyên đơn, bị đơn ;
+ Lưu hồ sơ, lưu dán.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Phú